

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ
Năm 2023

Mẫu số: CS3-HD

(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày
10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng Năm

Số BB:

34/40

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|--------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Thu Cúc | Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS | Đơn vị: Ban giám hiệu |
| - Ông: Trần Đình Luân | Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS | Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư |
| - Ông: Hoàng Việt Dũng | Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS | Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính |
| - Ông: Trần Đình Diệu | Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS | Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính |
| - Ông/bà: Phan Anh Đức | Chức vụ: KT.V | Đơn vị: Ban 2 |
| - Ông/bà: ... | Chức vụ: ... | Đơn vị: ... |
| - Ông/bà: Trần Anh Tuấn | Chức vụ: CV | Đơn vị: P. Kế toán |
| - Ông/bà: ... | Chức vụ: ... | Đơn vị: ... |

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Phòng TN; Sinh thái còn trùng nông nghiệp (01406), kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Máy nghỉ trên cho P.T.N nhân tích - Model: 29000000	01402.00.030000.132	418	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 203 - Phòng thực hành thủy sản 3. A. Đức	1	1	
2	Máy nghỉ trên thực vật khô - Model: 9002600	01402.00.030000.137	421	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	P.T.N 205
3	Máy nghỉ trên thực vật tươi - Model: 9002500	01402.00.030000.139	423	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	P.T.N 205
4	Máy li tâm	01402.00.030000.165	436	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
5	Máy li tâm có gia nhiệt	01402.00.030000.167	438	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	
6	Nồi cách thủy ổn nhiệt	01402.00.030000.175	446	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	
7	Tủ ổn nấy mầm	01402.00.030000.184	449	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	
8	Tủ ổn nấy mầm	01402.00.030000.185	450	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chi Giang	1	1	
9	Tủ ấm	01402.00.030000.188	453	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
10	Tủ ấm	01402.00.030000.190	455	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 102 - Phòng giáo viên làm dự án	1	1	
11	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.239	488	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 203 - Phòng thực hành thủy sản 3. A. Đức	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
12	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.240	489	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 203 - Phòng thực hành thủy sản 3. A. Đức	1	1	
13	Cân điện tử 500 kg	01402.00.030000.609	561	1/1/2007	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2	1	1	
14	Nồi hấp khử trùng	01402.00.030000.722	579	31/1/2013	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	9.77.205.ĐK
15	Máy lắc bình thí nghiệm	01402.00.030000.723	580	31/1/2013	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
16	Tủ cấy hiện số	01402.00.030000.727	582	31/1/2013	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
17	ôn áp Lioa 20 KVA	01402.00.110000.201	8123	19/1/2015	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 3 Phòng NL 303 - Kho để đồ	1	1	
18	Bàn giáo viên phòng thí nghiệm	01406.00.120000.001	10315	1/1/2006	Cơ sở 2 Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 3 Phòng NL 303 - Kho để đồ	8	1	

